TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 172/2024/DS-PT
Ngày: 22/4/2024
V/v "Tranh chấp về thừa kế tài sản, tranh chấp về quyền sở hữu tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;
Các Thẩm phán: Ông Phạm Đình Khánh;
Bà Hoàng Thị Bích Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 450/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản, tranh chấp về quyền sở hữu tài sản" do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4218/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Bà Chu Thị Kim C, sinh năm 1949, có mặt;

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông Ngô Văn Q, có mặt;

Trú tại: Xóm A, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định (theo văn bản ủy quyền ngày 16/4/2024).

** Bị đơn:* Ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1957, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Khu E, thị trấn N, huyện G, tỉnh Nam Định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Vũ Xuân N, sinh năm 1984, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.

2. Chị Vũ Thị Thanh H, sinh năm 1975, vắng mặt;

Địa chỉ: Số A, B, Phan Rí T1, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

3. Chị Vũ Thị Thanh V, sinh năm 1970, vắng mặt;

Địa chỉ: Số F, đường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Chị Vũ Thị Bích N1, sinh năm 1994, vắng mặt;

Địa chỉ: Khu C, H, Hà Nội.

5. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1952, vắng mặt;

Địa chỉ: 1 đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

6. Anh Nguyễn Thanh T3, sinh năm 1982, vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ B, khu A, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

7. Chị Nguyễn Thị Thu T4, sinh năm 1984, vắng mặt;

Địa chỉ: P B T, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội;

8. Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Tổ B, Khu D phường B, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

9. Chị Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1997, vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ B, Khu D phường B, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

10. Bà Lê Thị M, sinh năm 1959, vắng mặt;

11. Anh Nguyễn Lê Xuân T5, sinh năm 1986, vắng mặt;

Có cùng địa chỉ: Xóm A, T, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

12. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1964, vắng mặt;

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

13. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1969, vắng mặt;

Địa chỉ: Số F N, khu phố B, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Vũ Xuân N, chị Vũ Thị Thanh H, chị Vũ Thị Thanh V, chị Vũ Thị Bích N1, bà Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Thành T6, chị Nguyễn Thị Thu T4; bà Đỗ Thị L, chị Nguyễn Thị Thanh H1, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Lê Xuân T5, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H3: Ông Nguyễn Viết T, có đơn xin xét xử vắng mặt.

14. Bà Trần Thị M1, sinh năm 1960, có mặt;

Địa chỉ: Khu E, thị trấn N, huyện G, tỉnh Nam Định.

15. Anh Chu Hồng Đ, sinh năm 1991, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Bà Nguyễn Thị Tố N2, sinh năm 1986, có mặt;

Địa chỉ: Trường Trung học phổ thông S1, thị xã S, tỉnh Lào Cai (theo văn bản ủy quyền ngày 13/9/2023).

16. UBND huyện Ý, tỉnh Nam Định, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn bà Chu Thị Kim C trình bày:

Ông Nguyễn Viết L1 chết ngày 04/10/2021 có vợ cả là bà Lê Thị T7 chết năm 1991. Ông L1 và bà T7 có 07 người con gồm: Ông Nguyễn Viết T, ông Nguyễn Viết T8, ông Nguyễn Đức C1, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị T9. Sau khi bà T7 chết, năm 1992 ông L1 kết hôn với bà C; giữa ông L1 và bà C có 01 con nuôi là Chu Hồng Đ. Năm 1999 bà và ông L1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 900m^2 đất, trong đó 225m^2 đất ở, 195m^2 đất vườn, 480m^2 đất ao tại thôn N, xã Y, huyện Ý. Khi chia đất nông nghiệp theo quyết định 115, ông L1 là cán bộ nghỉ hưu nên được chia 180m^2 đất ruộng; bà C là giáo viên trường C2 nên có giấy giới thiệu về xã Y và được chia 180m^2 đất ruộng. Ông Lê Trung K là Chủ nhiệm Hợp tác xã thời đó đã chuyển đổi 360m^2 đất nông nghiệp của ông L1, bà C vào đất ao, đất vườn theo tỷ lệ 1m^2 đất ruộng = 3m^2 đất ao, 1m^2 đất ruộng = 2m^2 đất vườn. Sau khi chuyển đổi thì diện tích đất nông nghiệp của ông L1 và bà C còn 90m^2 được cấp tại xứ đồng Cổng Trường xã Y đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999. Khi dồn điền đổi thửa còn lại 81m^2 do trừ vào làm đường và nhà văn hoá mất 9m^2. Ngày 01/10/1992 bà C đóng 100.000đ góp 01 lao động với Hợp tác xã và được chia theo nhân khẩu địa phương là 01 sào 13 thước, bà C được chia ở suất cuối, Hợp tác xã còn thừa 2 thước nên bà được chia 02 sào (720m^2) đất nông nghiệp ở xứ Đ xã Y, hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặc dù bà đã nhiều lần đề nghị. Ông Lê Trung K nguyên chủ nhiệm Hợp tác xã, ông Nguyễn Ngọc H4 nguyên thành viên Ban quản trị Hợp tác xã, ông Nguyễn Bá P đội trưởng có xác nhận bằng văn bản về việc này. Năm 2014 bà C nộp 57.000.000đ để đấu giá quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện Ý cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 507, tờ bản đồ số 12 diện tích 104m^2 tại xóm A, xã Y, huyện Ý. Số tiền trên là của riêng bà C, do bà tích cóp trước khi lấy ông L1 và làm 02 sào ruộng. Diện tích đất này sau này làm nhà cho anh Chu Hồng Đ là con nuôi của ông L1 và bà C, ngôi nhà trên đất do anh Chu Hồng Đ bỏ tiền ra làm.

Ngày 13/9/2006 ông L1 viết di chúc với nội dung: Diện tích 900m^2 đất, trong đó 225m^2 đất ở, 195m^2 đất vườn, 480m^2 đất ao tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 26, bản đồ địa chính xã Y lập 1991 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 tại thôn N, xã Y, huyện Ý. Ông L1 chia cho bà C 3 gian nhà cấp bốn, công trình phụ và 655m^2 đất trong đó 155m^2 đất ở, 139m^2 đất vườn,

361m^2 đất ao và lối đi cũ. Giao quyền thừa kế cho anh Nguyễn Viết T 245m^2 đất trong đó 70m^2 đất ở, 56m^2 đất vườn, 119m^2 đất ao tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 26 bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991. Năm 2007 anh Nguyễn Viết T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cuối năm 2020, ông L1 ốm nặng có giao cho bà C nhật ký thể hiện: Khoảng 20/02/2009 tôi ốm nặng nằm trên giường cùng anh T thì anh T có nói bố viết cho con mấy chữ là sau khi bố mất bà C muốn về quê với các cháu thì nhượng lại nhà đất cho con. Sau đó ông L1 có bàn với bà nhượng lại nhà đất cho T thì bà đồng ý với dự định đó. Sự việc này có ông Lê Văn L2 là hàng xóm chứng kiến, ngày 18/11/2009 ông L2 đến nhà ông bà có nói lại là ông L2 có trao đổi với anh T và anh T8 nhưng các anh ấy không về quê, đã cắt đất làm nhà thờ rồi, nhà ông bà giải quyết như thế nào là tuỳ ông bà, tuỳ bà C quyết định. Bản di chúc bổ sung ngày 25/12/2016 thể hiện nội dung thống nhất với bản di chúc năm 2006 được ông Nguyễn Viết X làm chứng. Bản di chúc năm 2014 có nội dung: Ông L1 giao toàn bộ tài sản là nhà đất đã chia cho bà C theo di chúc 2006 cho anh T.

Bà Chu Thị Kim C đề nghị Toà án tuyên bản di chúc của cụ Nguyễn Viết L1 lập năm 2006 và năm 2014 là vô hiệu. Chia lại thừa kế theo pháp luật đối với phần tài sản chung của bà và ông L1. Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Nguyễn Viết T đối với diện tích 245m^2 trong đó 70m^2 đất ở, 56m^2 đất vườn, 119m^2 đất ao tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 26 bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2007. Tuyên diện tích 720m^2 đất nông nghiệp tại xứ Đ, thôn N, xã Y, huyện Ý và 104m^2 đất ở tại thửa đất số 507, tờ bản đồ số 12; địa chỉ xóm A, xã Y, huyện Ý là sở hữu riêng của bà C.

Bị đơn ông Nguyễn Viết T trình bày: Thống nhất như ý kiến của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, thời gian cụ L1 chết, thời gian cụ L1 kết hôn với bà C. Năm 1999 cụ L1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 900m^2 đất, trong đó 225m^2 đất ở, 195m^2 đất vườn, 480m^2 đất ao tại thôn N, xã Y, huyện Ý. Nguồn gốc đất của cụ tổ để lại, trên đất có 05 gian nhà cấp bốn và 03 gian bếp là tài sản của bố mẹ ông không liên quan đến bà C. Năm 1999 bố ông nói với các con hạ giải 05 gian nhà cấp bốn và 03 gian bếp để xây dựng ngôi nhà như hiện nay. Sau khi xây nhà xong bà C đưa 03 cháu bên nhà bà C về nuôi ăn học đến hết cấp III và học nghề. Năm 2006 bà C ép bố ông viết di chúc, bố ông có tách cho ông 245m^2 đất để làm nhà sau này con cháu đi về và giao lại việc thờ cúng tổ tiên cho ông. Năm 2014 bố ông và bà C có đấu giá quyền sử dụng 104m^2 đất, thửa đất số 507, tờ bản đồ số 12; địa chỉ xóm A, xã Y, huyện Ý đã xây nhà xong trước khi bố ông chết. Năm 2014 bố ông viết di chúc giao

quyền sử dụng 655m^2 đất còn lại cho ông. Khi nhà nước giao đất nông nghiệp theo quyết định 115 thì mẹ ông là cụ T7 và em ông là cô H3 vẫn được chia mỗi người 1 sào 13 thước (tức 1.344m^2). Năm 1991, cô H3 vào miền N và cũng là năm cụ T7 chết, theo quy định thì diện tích đất ruộng trên thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T7 và của cô H3. Hiện nay gia đình ông chỉ có 270m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc diện tích đất ruộng bị mất đi do ông K, ông P ở ban quản trị Hợp tác xã đã thông đồng với bà C chuyển đất nông nghiệp từ cụ T7 và cô H3 sang cho bà C; số diện tích đất này chỉ còn 801m^2 theo hồ sơ giải phóng mặt bằng làm cụm công nghiệp Y. Bà C là giáo viên nên không thuộc đối tượng được giao ruộng theo quyết định 115. Ông Nguyễn Viết T đề nghị Toà án bác yêu cầu của bà C về việc tuyên bản di chúc năm 2014 vô hiệu. Bác yêu cầu của bà C về chia thừa kế đối với 655m^2 đất tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 26 bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991. Bác yêu cầu của bà C về việc huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 245m^2 trong đó 70m^2 đất ở, 56m^2 đất vườn , 119m^2 đất ao tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 26 bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991 đã cấp cho ông. Bác yêu cầu của bà C về việc công nhận diện tích 720m^2 đất ruộng tại xứ Đ, thôn N, xã Y, huyện Ý và 104m^2 đất, thửa đất số 507, tờ bản đồ số 12 địa chỉ xóm A, xã Y, huyện Ý là sở hữu riêng của bà C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị M1 trình bày: Thống nhất với lời khai của bị đơn, năm 2006 cụ L1 tách cho ông T và bà diện tích 245m^2 đất. Năm 2007 đã được Ủy ban nhân dân huyện Ý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định của pháp luật. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông T và bà đã xây dựng nhà để thờ cúng tổ tiên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm chị Vũ Thị Thanh H, chị Vũ Thị Thanh V, anh Vũ Xuân N, chị Vũ Thị Bích N1, anh Nguyễn Thành T6, chị Nguyễn Thị Thu T4, bà Đỗ Thị L, chị Nguyễn Thị Thanh H1, bà Nguyễn Thị T2, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Lê Xuân T5, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H3 trình bày: Thống nhất với lời khai của bị đơn đồng thời có quan điểm, nếu được hưởng phần di sản thừa kế thì hoàn toàn đồng ý để cho ông Nguyễn Viết T dùng vào việc xây dựng nơi thờ cúng tổ tiên, quy tụ con cháu đi về trong ngày giỗ, ngày lễ đúng như di nguyện của cụ L1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Chu Hồng Đ trình bầy: Nhất trí như trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

Ủy ban nhân dân huyện Ý trình bầy: Về nguồn gốc đất, theo bản đồ địa chính năm 1986 là thửa số 283, tờ bản đồ số 24 diện tích 868m^2 đất trong đó 282m^2 đất ở, 135m^2 đất vườn, 451m^2 đất ao; theo bản đồ địa chính năm 1991 là

thửa số 153, tờ bản đồ số 26 diện tích 900m^2 đất trong đó 225m^2 đất ở, 195m^2 đất vườn, 480m^2 đất ao; năm 1999 Ủy ban nhân dân huyện Ý đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Nguyễn Viết L1. Ngày 13/3/2007, Ủy ban nhân dân huyện Ý đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 673742 cho ông Nguyễn Viết T đối với diện tích 245m^2 đất trong đó 70m^2 đất ở, 56m^2 đất vườn, 119m^2 đất ao tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 26 bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991. Theo bản đồ hiện trạng năm 2010 xã Y là thửa đất số 199 tờ bản đồ số 22 diện tích 727m^2 đất trong đó 242,4m^2 đất ở,108,3m^2 đất vườn, 376,3m^2 đất ao và thửa đất số 200, tờ bản đồ số 22 diện tích 251,5m^2 đất ở. Đối với thửa đất số 507, tờ bản đồ số 12 diện tích 104m^2 tại xã Y là đất đấu giá quyền sử dụng đất.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 27/7/2023 thể hiện:

Thửa đất số 199 tờ bản đồ số 22 bản đồ địa chính xã Y lập năm 2010 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ Nguyễn Viết L1 có tứ cận: Cạnh Đông giáp đất hộ ông T, cụ S; cạnh Tây giáp đường và giáp đất hộ ông Q1; cạnh Nam giáp đường; cạnh Bắc giáp đất hộ ông Q1, ông T10; tổng diện tích 721.7m^2 đất. Trên đất có các tài sản gồm: 01 nhà cấp bốn giá trị còn lại 22.948.782đ; mái tôn giá trị còn lại 4.760.000đ; sân bê tông giá trị còn lại là 795.000đ; cổng giá trị còn lại là 404.000đ; 01 cây vải trị giá là 1.000.000đ.

Thửa đất số 200 tờ bản đồ số 22 bản đồ địa chính xã Y lập năm 2010 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Nguyễn Viết T và bà Trần Thị M1 có tứ cận: Cạnh Đông giáp ngõ; cạnh Tây giáp đường và giáp đất cụ L1; cạnh Nam giáp đường; cạnh Bắc giáp đất hộ ông T10; tổng diện tích 250.3m^2 đất. Trên đất có các tài sản gồm: 01 nhà mái bằng giá trị còn lại là 23.710.000đ; sân bê tông giá trị còn lại là 2.045.000đ; cổng giá trị còn lại là 1.037.000đ; 02 cây mít, 02 cây nhãn có trị giá là 4.000.000đ; đất ở có giá 840.000đ/1m^2; đất vườn và đất ao có giá 105.000đ/1m^2.

Thửa đất số 507 tờ bản đồ số 12 bản đồ địa chính xã Y lập năm 2002 chỉnh lý năm 2005 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Chu Thị Kim C có tứ cận: Cạnh Đông giáp đất hộ ông L3; cạnh Tây giáp đất hộ bà H5; cạnh Nam giáp đường; cạnh Bắc giáp nhà Văn Hoá; diện tích 104m^2 đất. Trên đất có 01 nhà mái bằng giá trị còn lại là 303.618.000đ; mái tôn giá trị còn lại là 13.693.000đ; cổng giá trị còn lại là 7.368.000đ; đất ở có giá 5.000.000đ/1m^2.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã căn cứ các Điều 647, 648, 649, 650, 652, 653, 654, 656, 657, 662, 669 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 33 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; các Điều 611, 612, 613, 614, 623, 644, 649, 650, 651, 652,

660, 688 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 106, khoản 5 Điều 113 Luật Đất đai năm 2003; Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; khoản 5 Điều 26; Điều 34; khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 38, Điều 41, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chu Thị Kim C. Tuyên bản di chúc của cụ Nguyễn Viết L1 lập ngày 17/7/2014 vô hiệu một phần.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 673742 mang tên ông Nguyễn Viết T và bà Trần Thị M1 đối với thửa đất số 153, tờ bản đồ số 26, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991, diện tích 245m^2 trong đó đất ở 70m^2, đất vườn 56m^2, đất ao 119m^2; địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.

3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc công nhận diện tích 104m^2 đất, tại thửa số 507, tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính xã Y lập năm 2002 chỉnh lý năm 2005; địa chỉ: Xóm A, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định thuộc sở hữu riêng của bà Chu Thị Kim C.

4. Xác định thửa đất số 16/17, tờ bản đồ số 6, diện tích 270m^2 đất hai lúa, địa danh thửa đất Đ, thôn N, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định là tài sản chung của cụ Nguyễn Viết L1 và bà Chu Thị Kim C. Không xem xét giải quyết đối với diện tích 531m^2 đất hai lúa; địa danh thửa đất Đ, thôn N, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định. Diện tích đất này đã có quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Ý.

5. Xác định thửa đất số 153, tờ bản đồ số 26, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991; diện tích 900m^2 đất trong đó 225m^2 đất thổ cư, 195m^2 đất vườn, 480m^2 đất ao; địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định là tài sản chung của cụ Nguyễn Viết L1 và cụ Lê Thị T7. Phần di sản của cụ T7 được chia theo quy định của pháp luật cho cụ Nguyễn Viết L1, ông Nguyễn Viết T, ông Nguyễn Viết T8, ông Nguyễn Đức C1, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị T9 450m^2 : 8 = 56.25m^2; trị giá mỗi suất thừa kế tương ứng với số tiền là 16.242.000đ.

6. Xác định tài sản chung của cụ Nguyễn Viết L1 và bà Chu Thị Kim C gồm: Thửa đất số 16/17, tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính xã Y lập năm 2010 địa danh thửa đất Đồng Quan diện tích 270m^2, mục đích sử dụng trồng lúa (diện tích 270m^2 đất trên đã bị nhà nước thu hồi và bồi thường, hỗ trợ 54.000.000đ, số tiền này đang gửi tại kho bạc nhà nước huyện Ý1); diện tích 104m^2 đất, tại thửa đất số 507, tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính xã Y lập năm 2002 chỉnh lý năm 2005 và công trình xây dựng trên đất có trị giá là 844.679.000đ. Tổng trị giá tài sản

của cụ L1 và bà C là 898.679.000đ; bà C được chia 2/3 tài sản trị giá là 599.119.000đ; cụ L1 được chia 1/3 tài sản trị giá là 299.559.667đ; mỗi suất thừa kế của cụ L1 được hưởng trị giá là 29.956.000đ.

7. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Vũ Thị Thanh H, chị Vũ Thị Thanh V, anh Vũ Xuân N, chị Vũ Thị Bích N1, anh Nguyễn Thành T6, chị Nguyễn Thị Thu T4, bà Đỗ Thị L, chị Nguyễn Thị Thanh H1, bà Nguyễn Thị T2, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Lê Xuân T5, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H3 giao toàn bộ phần di sản thừa kế được chia cho ông Nguyễn Viết T sử dụng vào việc thờ cúng tổ tiên.

8. Chia cho bà Chu Thị Kim C được quyền sử dụng diện tích 104m^2 đất ở; tại thửa đất số 507, tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính xã Y lập năm 2002 chỉnh lý năm 2005; địa chỉ: Xóm A, xã Y huyện Ý tỉnh Nam Định đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được quyền sở hữu các công trình xây dựng trên đất có trị giá là 844.679.000đ. Bà C được chia tổng trị giá tài sản là 710.160.000đ, đối trừ với 2/3 suất thừa kế bà C được hưởng có trị giá là 6.219.000đ và 1/2 trị giá 03 gian nhà mái ngói, mái tôn, sân, cổng, 01 cây vải là tài sản chung của bà C và cụ L1 14.954.000đ. Bà Chu Thị Kim C có nghĩa vụ trả chênh lệch tài sản cho ông Nguyễn Viết T 113.346.000đ và anh Chu Hồng Đ 29.956.000đ. Anh Chu Hồng Đ được nhận từ bà Chu Thị Kim C 01 suất thừa kế có trị giá là 29.956.000đ.

9. Chia cho ông Nguyễn Viết T được quyền sử dụng 655m^2 đất trong đó 155m^2 đất ở, 139m^2 đất vườn, 361m^2 đất ao; tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 26, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991; địa chỉ: Thôn N huyện Ý tỉnh Nam Định có trị giá là 182.700.000đ; quyền sở hữu ngôi nhà 03 gian, mái tôn, sân, cổng 01 cây vải có trị giá 29.908.000đ; 54.000.000đ tiền bồi thường, hỗ trợ thu hồi 270m^2 đất nông nghiệp (số tiền này đang gửi tại kho bạc nhà nước huyện Ý) và được nhận chênh lệch tài sản của bà Chu Thị Kim C số tiền 113.346.000đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định án phí, chi phí tố tụng, thi hành án dân sự và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09 tháng 10 năm 2023, nguyên đơn là bà Chu Thị Kim C có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Các đương sự trình bày:

- Phía nguyên đơn trình bày: Bản án sơ thẩm đã dẫn sự việc đi sai vấn đề; bản di chúc được cụ L1 lập năm 2006 là bản di chúc có hiệu lực pháp luật, không ai có quyền thay đổi; vì bản di chúc này đã được cụ L1 lập hợp pháp, sau khi cụ L1 chết mới được công bố; năm 2016 cụ L1 tiếp tục viết giấy căn dặn

việc thực hiện di chúc năm 2006, nhưng không hề nhắc gì đến bản di chúc năm 2014; bản di chúc năm 2014 được lập là giả tạo, không thể hiện ý chí của cụ L1 và trước đó cụ L1 đã lập di chúc để phân chia tài sản rồi. Đất nông nghiệp do bà C là người đã bỏ tiền ra mua nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét mà xác định đó là tài sản của cụ L1 và cụ T7 là không có căn cứ. Bà C tự bỏ tiền riêng ra để đấu giá thửa đất số 507, tờ bản đồ số 12 tại xã Y, huyện Ý là tài sản riêng của bà C, không phải tài sản chung của cụ L1 và bà C. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá lại bản chất vụ án để ra phán quyết đúng quy định của pháp luật. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị M1 trình bày: Cơ bản giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm, bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định của pháp luật, nên phía gia đình bà không kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người đại diện theo ủy quyền cho ông Chu Hồng Đ trình bày: Bản di chúc năm 2014 là không hợp pháp vì nó được lập không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; lời khai của những người làm chứng có nhiều mâu thuẫn và họ cũng không khẳng định đã được chứng kiến việc lập di chúc; thửa đất số 153 tuy đã được chia nhưng bà C là người canh tác trên thửa đất này trên 30 năm; chính bà C là người đã bỏ tiền ra mua đất nông nghiệp, còn việc cơ quan có thẩm quyền bán đất không đúng thuộc trách nhiệm của họ, không thuộc lỗi của bà C, nên bà C phải được quyền sử dụng đối với diện tích đất này. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm

Về nội dung: Cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để chia di sản thừa kế là có căn cứ; tại cấp phúc thẩm không có tình tiết gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện: Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn khởi kiệu yêu cầu chia di sản thừa kế; đây là vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Cụ Nguyễn Viết L1 chết ngày 04/10/2021 có vợ cả là bà Lê Thị T7 chết ngày 24/9/1991; ngày 21/3/2022 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Căn cứ Điều 623, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu mở thừa kế đối với bất động sản là 30 năm nên đang trong thời hiệu khởi kiện. Ngoài yêu cầu chia di sản thừa kế đương sự còn đề nghị xem xét đến GCNQSD đất mà UBND huyện Ý đã cấp cho ông Nguyễn Viết T; đây là quyết định hành chính cá biệt của UBND cấp huyện trong lĩnh vực quản lý đất đai, nên thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Do đó, mặc dù Tòa án nhân dân huyện Ý Yên đã thụ lý nhưng sau đó đã chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định tại Điều 32 Luật Tố tụng hành chính và khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng: Cấp sơ thẩm đã xác định nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm một số đương sự vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt, hoặc đã có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, hoặc đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại Điều 227; Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ngày 04/4/2024, Tòa án cấp phúc thẩm nhận được đơn của ông Nguyễn Thái N3 cho rằng là người đại diện theo ủy quyền của bà Chu Thị Kim C, đề nghị xem xét thẩm định, định giá lại tài sản; vì cho rằng giá của Hội đồng định giá xác định không đúng và một số tài sản chưa được định giá, thấy: Tại biên bản định giá ngày 27/7/2023 bà C và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà C có mặt chứng kiến việc định giá, nhất trí với giá Hội đồng định giá; ngoài tài sản định giá theo biên bản này thì không có đương sự nào có yêu cầu định giá thêm tài sản gì; sau khi định giá cũng như quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm không có đương sự nào khiếu nại về kết quả định giá tài sản; ông N3 yêu cầu thẩm định giá lại nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc định giá của Hội đồng định giá không khách quan, có vi phạm pháp luật. Hơn nữa, ông N3 yêu cầu thẩm định giá và lựa chọn Tổ chức thẩm định giá là Công ty TNHH T12, nhưng không được sự đồng ý của các đương sự khác trong vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Chu Thị Kim C khẳng định đã chấm dứt việc ủy quyền đối với ông Nguyễn Thái N3, nên ông N3 không có quyền yêu cầu; bà

cũng không có yêu cầu gì đối với việc định giá tài sản, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của ông N3.

** Về nội dung:* Xét kháng cáo của bà Chu Thị Kim C thấy:

[4] Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ thể hiện: Bản đồ địa chính xã Y lập năm 1986 là thửa số 283, tờ bản đồ số 24b diện tích 868m^2 đất; trong đó 282m^2 đất ở, 135m^2 đất vườn, 451m^2 đất ao đứng tên chủ sử dụng cụ Nguyễn Viết L1. Bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991 là thửa số 153, tờ bản đồ số 26 diện tích 900m^2 đất trong đó 225m^2 đất ở, 195m^2 đất vườn, 480m^2 đất ao đứng tên cụ Nguyễn Viết L1. Năm 1999 Ủy ban nhân dân huyện Ý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Nguyễn Viết L1. Đối với đất nông nghiệp, cụ Nguyễn Viết L1 và cụ Lê Thị T7 có 07 người con, cụ T7 chết ngày 24/9/1991, theo lời khai của ông T thì cùng năm cụ T7 chết, bà H3 là con cụ T7 vào miền nam sinh sống. Căn cứ vào mục 1 phần II Quyết định số 115/QĐUB, ngày 15/02/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh H thì tại thời điểm giao đất nông nghiệp, các con của cụ L1 và cụ T7 không còn ai sinh sống cùng cụ L1 tại thôn N, huyện Ý nên không được giao đất nông nghiệp. Ngày 26/01/1992 cụ L1 kết hôn với bà Chu Thị Kim C, cụ L1 là cán bộ nghỉ hưu, bà C là giáo viên nên không thuộc đối tượng được nhà nước chia đất nông nghiệp theo Quyết định 115. Mặc dù ông Lê Trung K, nguyên chủ nhiệm hợp tác xã N4; ông Nguyễn Bá P Trưởng thôn Ngô Xá 1 có lời khai bà C và cụ L1 được Hợp tác xã Ngô X1 cho mượn mỗi người 180m^2 đất ruộng sau đó bị cân đối vào đất vườn ao của cụ L1, còn lại 90m^2 đất 2 lúa. Ngoài lời khai của bà C, ông K, ông P thì không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh có việc quy đổi đất ruộng vào đất ao, đất vườn; đối chiếu với tỷ lệ quy đổi 1m^2 đất nông nghiệp = 3m^2 đất ao, 1m^2 đất nông nghiệp = 2m^2 đất vườn với diện tích đất vườn, đất ao mà cụ L1 sử dụng theo bảo đồ năm 1991 thì diện tích đất 2 lúa còn lại 90m^2 là không đúng. Hơn nữa, nếu có việc quy đổi thì cũng không đúng theo quy định tại Quyết định 115/QĐUB, ngày 15/02/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh H. Theo hồ sơ địa chính lưu trữ và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Nguyễn Viết L1 năm 1999 thể hiện: Thửa đất số 26/6 tờ bản đồ số 27 địa danh thửa đất Sau Trường diện tích 180m^2, mục đích sử dụng 2 lúa. Thửa đất số 19/53 tờ bản đồ số 27 địa danh thửa đất Cổng Trường diện tích 90m^2, mục đích sử dụng 2 lúa. Vì vậy, có căn cứ xác định diện tích 900m^2 đất trong đó 225m^2 đất ở, 195m^2 đất vườn, 480m^2 đất ao tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 26, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991 được Ủy ban nhân dân huyện Ý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Nguyễn Viết L1 năm 1999 là tài sản chung của cụ T7 và cụ L1, không phải là tài sản của bà C.

[5] Đối với yêu cầu của bà Chu Thị Kim C đề nghị Tòa án công nhận diện tích 720m^2 đất nông nghiệp, địa danh thửa đất Đồng Quan tại thôn N huyện Ý tỉnh Nam Định, là tài sản riêng của bà C thấy: Theo các tài liệu Ủy ban nhân dân xã Ý và Phòng T13 cung cấp thì đất nông nghiệp của cụ Nguyễn Viết L1, tổng diện tích 801m^2 được phân loại: Diện tích 270m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau dồn điền đổi thửa diện tích đất này thuộc thửa số 16/17 tờ bản đồ số 6 bản đồ địa chính xã Y lập năm 2010. Căn cứ vào Quyết định số 6932/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ý và Quyết định số 6950/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ý thì hộ cụ Nguyễn Viết L1 bị thu hồi 270m^2 đất nông nghiệp và được bồi thường, hỗ trợ 54.000.000đ. Đối với diện tích 531m^2 đất nông nghiệp tại thửa số 16/17 tờ bản đồ số 6 theo Quyết định số 7211/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ý và Quyết định số 7212/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ý thì diện tích 531m^2 đất nông nghiệp của hộ cụ Nguyễn Viết L1, do không chứng minh được nguồn gốc đất được giao ổn định cho hộ gia đình cá nhân theo Quyết định 115 và Quyết định 990 nên được xác định là đất do Ủy ban nhân xã Ý quản lý. Như vậy có căn cứ xác định diện tích 270m^2 đất nông nghiệp, địa danh thửa đất Đồng Quan thôn N huyện Ý tỉnh Nam Định đã được Ủy ban nhân dân huyện Ý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 là tài sản chung của cụ L1 và bà C. Đối với diện tích 531m^2 đất nông nghiệp được xác định là đất công ích và đã có quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện Ý, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Đối với thửa đất số 507 tờ bản đồ số 12 diện tích 104m^2 địa chỉ tại xóm A, xã Y huyện Ý tỉnh Nam Định có nguồn gốc từ việc bà C đấu giá quyền sử dụng đất. Ngày 21/9/2015 Ủy ban nhân dân huyện Ý đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 169191 cho bà Chu Thị Kim C. Năm 2019 bà C làm nhà trên diện tích đất này và hiện tại đang sinh sống tại đây. Bà C cho rằng, tiền đấu giá quyền sử dụng đất do bà tiết kiệm được trước khi kết hôn với cụ L1 và làm 2 sào ruộng mà có; chi phí xây dựng nhà ở do anh Chu Hồng Đ bỏ tiền ra xây dựng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, bà C và người đại diện theo uỷ quyền của anh Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ hợp pháp. Hơn nữa, việc đấu giá quyền sử dụng đất và xây dựng nhà ở trong thời gian cụ L1 và bà C là vợ chồng; đây là tài sản được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, căn cứ Điều 33 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, thì tài sản trên là tài sản chung của cụ Nguyễn Viết L1 và bà Chu Thị Kim C.

[7] Ngày 13/9/2006 cụ Nguyễn Viết L1 lập di chúc có nội dung: Chia cho bà C 3 gian nhà cấp bốn, công trình phụ và 655m^2 đất trong đó 155m^2 đất ở, 139m^2 đất vườn, 361m^2 đất ao. Giao quyền thừa kế cho ông Nguyễn Viết T 245m^2 đất trong đó 70m^2 đất ở, 56m^2 đất vườn, 119m^2 đất ao tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 26 bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991. Sau đó, ngày 17/7/2014 cụ Nguyễn Viết L1 lập lại di chúc có nội dung: Trước đây cụ L1 viết di chúc giao quyền thừa kế nhà và đất ở, đất ao cho bà Chu Thị Kim C, nhưng bà C nói sau khi cụ L1 chết sẽ đi với con nuôi là anh Chu Hồng Đ. Vì vậy, cụ L1 giao lại nhà, đất ở, đất ao cho con trai là ông Nguyễn Viết T được thừa hưởng toàn bộ di sản thừa kế, di chúc này thay cho di chúc đã lập trước đây và di chúc trước đây không còn giá trị. Về hình thức hai bản di chúc đều được lập thành văn bản, có người làm chứng và được Ủy ban nhân dân xã Ý xác nhận. Cụ L1 lập di chúc khi minh mẫn, sáng suốt là đảm bảo đúng quy định tại các Điều 646, 647, 648, 649, 650, 652, 653, 654, 656, 657 của Bộ luật Dân sự 2005. Bản di chúc của cụ L1 lập ngày 17/7/2014 có nội dung giao toàn bộ di sản thừa kế của cụ L1 cho con trai là ông Nguyễn Viết T thừa hưởng và thay thế bản di chúc trước đây. Căn cứ khoản 3 Điều 662; khoản 5 Điều 667 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì bản di chúc của cụ Nguyễn Viết L1 lập ngày 13/9/2006 bị huỷ bỏ, bản di chúc của cụ L1 lập 17/7/2014 có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, nội dung bản di chúc của cụ L1 lập 17/7/2014 đã định đoạt cả phần di sản của cụ T7 và phần tài sản chung là nhà của bà C và cụ L1 là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà C; trong trường hợp này cụ L1 chỉ được định đoạt đối với phần tài sản thuộc quyền của mình; nên theo quy định tại khoản 4 Điều 667 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 4 Điều 643 Bộ luật Dân sự năm 2015, thì bản di chúc của cụ L1 lập ngày 17/7/2014 chỉ có hiệu lực một phần là đối với phần tài sản của cụ L1, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bản di chúc ngày 17/7/2014 bị vô hiệu một phần là có căn cứ.

[8] Từ phân tích trên thấy rằng, di sản thừa kế của cụ L1 và cụ T7 để lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 900m^2 đất trong đó 225m^2 đất ở, 195m^2 đất vườn, 480m^2 đất ao tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 26 bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991. Cụ T7 chết ngày 24/9/1991 không để lại di chúc, do vậy cụ L1 được hưởng ½ khối tài sản chung; ½ di sản của cụ T7 được chia thừa kế theo quy định của pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ T7 gồm: Cụ Nguyễn Viết L1, ông Nguyễn Viết T, ông Nguyễn Viết T8, ông Nguyễn Đức C1, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị T9. Như vậy, phần tài sản của cụ L1 được hưởng là ½ quyền sử dụng đối với thửa đất trên và 01 kỷ phần thừa kế của cụ T7 là 506,25m^2 đất, trong đó

126,56m^2 đất ở, 109,69m^2 đất vườn, 270m^2 đất ao. Tuy nhiên, năm 2006 cụ Nguyễn Viết L1 đã chia tách cho vợ chồng ông Nguyễn Viết T và bà Trần Thị M1 diện tích 245m^2 đất trong đó 70m^2 đất ở, 56m^2 đất vườn, 119m^2 đất ao, nên phần di sản của cụ L1 còn 506,25m^2 - 245m^2 = 261,25m^2, trong đó 56,56m^2 đất ở, 53,69m^2 đất vườn, 151m^2 đất ao. Đất ở có giá là 840.000đ/1m^2 x 56,56m^2 = 47.510.400đ; đất ao, vườn có giá 105.000đ/1m^2 x 204,69m^2 = 21.492.450đ. Như vậy, 261,25m^2 đất có trị giá là 69.003.000đ. Ngoài ra, quá trình chung sống cụ L1 và bà C đã xây dựng 03 gian nhà mái ngói, mái tôn, sân, cổng, 01 cây vải có tổng trị giá là 29.908.000đ; cụ L1 và bà C mỗi người được hưởng ½ trị giá tài sản trên đất là 14.954.000đ; tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 26 của cụ L1 là 83.957.000đ.

Tài sản của cụ L1 cùng với bà C, gồm: Diện tích 104m^2 đất tại thửa số 507 tờ bản đồ số 12 bản đồ địa chính xã Y lập năm 2002 chỉnh lý năm 2005 và công trình xây dựng trên đất: Đất ở là 5.000.000đ/1m^2 x 104m^2 = 520.000.000đ; nhà và các công trình xây dựng trên đất có tổng trị giá là 324.679.000đ và 54.000.000đ giá trị tiền đền bù thửa đất số. Tổng trị giá tài sản của cụ L1 và bà C là 898.679.000đ. Tuy nhiên, bà C có công sức nhiều hơn trong việc tạo lập khối tài sản chung, nên cấp sơ thẩm đã chia cho bà C được hưởng 2/3 trị giá tài sản trong khối tài sản chung của cụ L1 và bà C là có căn cứ.

Như vậy, Tổng trị giá di sản của cụ L1 để lại để chia thừa kế là 299.559.667đ,

[9] Về hàng và diện thừa kế: Do cụ Nguyễn Viết L1 chết không để lại di chúc để định đoạt phần tài sản của cụ trong khối tài sản chung với bà C, cũng như chưa định đoạt hết đối với tài sản trong khối tài sản chung với cụ T7, nên di sản của cụ L1 để lại được chia theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 651, Điều 652 Bộ luật Dân sự, hàng thừa kế thứ nhất của cụ L1 gồm 09 người là bà C, 07 người con riêng của cụ L1 và 01 người con nuôi của cụ L1 với bà C; bao gồm: Ông Nguyễn Viết T, ông Nguyễn Viết T8, ông Nguyễn Đức C1, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị T9, bà Chu Thị Kim C, anh Chu Hồng Đ. Ông Nguyễn Đức C1 chết năm 2000, do vậy anh Nguyễn Thành T6, chị Nguyễn Thị Thu T4, chị Nguyễn Thị Thanh H1 được thừa kế kỷ phần của ông C1. Ông Nguyễn Viết T8 chết năm 2023 nên bà Lê Thị M, anh Nguyễn Lê Xuân T5 được thừa kế kỷ phần của ông T8. Bà Nguyễn Thị T9 chết năm 2013, chồng là ông Vũ Xuân Đ1 chết năm 2022 nên chị Vũ Thị Thanh H, chị Vũ Thị Thanh V, anh Vũ Xuân N, chị Vũ Thị Bích N1 được thừa kế kỷ phần của bà T9.

[9] Về phương pháp phân chia di sản thừa kế: Chị Vũ Thị Thanh H, chị Vũ Thị Thanh V, anh Vũ Xuân N, chị Vũ Thị Bích N1, anh Nguyễn Thành T6, chị Nguyễn Thị Thu T4, bà Đỗ Thị L, chị Nguyễn Thị Thanh H1, bà Nguyễn Thị T2, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Lê Xuân T5, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H3 có quan điểm, giao toàn bộ phần di sản thừa kế được chia cho ông Nguyễn Viết T sử dụng vào việc thờ cúng tổ tiên, nên cấp sơ thẩm chia cho ông Nguyễn Viết T được quyền sử dụng 655m^2 đất trong đó 155m^2 đất ở, 139m^2 đất vườn, 361m^2 đất ao tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 26 bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991; địa chỉ: Thôn N, huyện Ý, tỉnh Nam Định gắn liền với ngôi nhà 03 gian, mái tôn, sân, cổng 01 cây vải cùng các tài sản trên thửa đất này và được nhận số tiền 54.000.000đ bồi thường, hỗ trợ thu hồi 270m^2 đất nông nghiệp là phù hợp. Bà C hiện đang sinh sống trên thửa đất 507, tờ bản đồ số 12 xóm A xã Y huyện Ý tỉnh Nam Định. Để bảo đảm công năng sử dụng các công trình trên đất và thửa đất được chia, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho bà Chu Thị Kim C được quyền sử dụng diện tích 104m^2 đất nêu trên và được quyền sở hữu các công trình xây dựng trên đất có trị giá là 844.679.000đ. Tuy nhiên, sau khi cụ T7 chết, năm 1992 cụ L1 kết hôn với bà C và chung sống cho đến ngày 04/10/2021 cụ L1 chết, các con của cụ L1 trưởng thành không ai ở cùng cụ L1. Vì vậy, bà C là người có công lớn trong việc gây dựng các tài sản gắn liền trên đất, có công chăm sóc cụ L1, cũng như bảo quản di sản nên cần tính để trích công sức của bà C tương xứng với công sức của mình. Theo đó, bà C được hưởng các tài sản là thửa đất số 507, tờ bản đồ số 12 cùng các tài sản trên đất nhưng không phải trích chênh lệch tài sản cho ông T, mà chỉ phải trích chênh lệch tài sản cho ông Đ mới đảm bảo quyền lợi của bà C. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà C để sửa bản án sơ thẩm về nội dung này.

[10] Đối với yêu cầu hủy GCNQSD đất đã cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Viết T, bà Trần Thị M1 thấy: Ngày 10/8/2006 cụ Nguyễn Viết L1 và bà Chu Thị Kim C có đơn xin chia tách quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Nguyễn Viết T và bà Trần Thị M1 diện tích 245m^2 đất trong đó đất ở 70m^2, đất vườn 56m^2, đất ao 119m^2 tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 26 bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991. Ngày 13/3/2007, Ủy ban nhân dân huyện Ý đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Viết T và Trần Thị M1. Như phân tích ở trên thì diện tích 900m^2 đất trong đó đất ở 225m^2, đất vườn 195m^2, đất ao 480m^2 tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 26 bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991 là tài sản chung của cụ Nguyễn Viết L1 với cụ Lê Thị T7. Do vậy, cụ L1 có quyền chia tách cho ông T và bà M1 245m^2 đất; trình tự, thủ tục chia tách và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định của pháp luật, nên yêu cầu huỷ

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, nhưng chưa đảm bảo được quyền lợi ích hợp pháp của đương sự, nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Chu Thị Kim C. Hơn nữa, tuy bản án sơ thẩm đã xác định và phân chia di sản thừa kế đúng quy định, nhưng bản án quyết định chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất, nhưng không tuyên rõ ràng nên sẽ gây khó khăn cho công tác thi hành án; vi phạm này của Tòa án cấp sơ thẩm tại cấp phúc thẩm khắc phục được, nên cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên; tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là chưa phù hợp.

[11] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà C, ông T, bà M1 là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí, các ông, bà đã có đơn đề nghị miễn án phí, nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho các ông, bà. Chị Vũ Thị Thanh H, chị Vũ Thị Thanh V, anh Vũ Xuân N, chị Vũ Thị Bích N1, anh Nguyễn Thành T6, chị Nguyễn Thị Thu T4, bà Đỗ Thị L, chị Nguyễn Thị Thanh H1, bà Nguyễn Thị T2, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Lê Xuân T5, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H3 giao toàn bộ phần di sản thừa kế được chia cho ông Nguyễn Viết T sử dụng nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Chu Hồng Đ phải chịu án phí đối với kỷ phần thừa kế được hưởng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo được chấp nhận nên bà C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Chi phí tố tụng: Bà C tự nguyện nộp toàn bộ chi phí tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bà Chu Thị Kim C; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định. Cụ thể:

Căn cứ các Điều 647, 648, 649, 650, 652, 653, 654, 656, 657, 662, 669 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 33 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; các Điều 611, 612, 613, 614, 623, 644, 649, 650, 651, 652, 660, 688 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 106, khoản 5 Điều 113 Luật Đất đai năm 2003; Điều 32 Luật tố tụng hành chính; khoản 5 Điều 26; Điều 34; khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 38, Điều 41, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14,

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chu Thị Kim C. Tuyên bản di chúc của cụ Nguyễn Viết L1 lập ngày 17/7/2014 vô hiệu một phần.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 673742 mang tên ông Nguyễn Viết T và bà Trần Thị M1 đối với thửa đất số 153, tờ bản đồ số 26, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991, diện tích 245m^2 trong đó đất ở 70m^2, đất vườn 56m^2, đất ao 119m^2; địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.

3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc công nhận diện tích 104m^2 đất, tại thửa số 507, tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính xã Y lập năm 2002 chỉnh lý năm 2005; địa chỉ: Xóm A, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định thuộc sở hữu riêng của bà Chu Thị Kim C.

4. Xác định thửa đất số 16/17, tờ bản đồ số 6, diện tích 270m^2 đất hai lúa, địa danh thửa đất Đ, thôn N, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định là tài sản chung của cụ Nguyễn Viết L1 và bà Chu Thị Kim C. Không xem xét giải quyết đối với diện tích 531m^2 đất hai lúa; địa danh thửa đất Đ, thôn N, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định. Diện tích đất này đã có quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Ý.

5. Xác định thửa đất số 153, tờ bản đồ số 26, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991; diện tích 900m^2 đất trong đó 225m^2 đất thổ cư, 195m^2 đất vườn, 480m^2 đất ao; địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định là tài sản chung của cụ Nguyễn Viết L1 và cụ Lê Thị T7. Phần di sản của cụ T7 được chia theo quy định của pháp luật cho cụ Nguyễn Viết L1, ông Nguyễn Viết T, ông Nguyễn Viết T8, ông Nguyễn Đức C1, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị T9 450m^2 : 8 = 56.25m^2; trị giá mỗi suất thừa kế tương ứng với số tiền là 16.242.000đ.

6. Xác định tài sản chung của cụ Nguyễn Viết L1 và bà Chu Thị Kim C gồm: Thửa đất số 16/17, tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính xã Y lập năm 2010 địa danh thửa đất Đồng Quan diện tích 270m^2, mục đích sử dụng trồng lúa (diện tích 270m^2 đất trên đã bị nhà nước thu hồi và bồi thường, hỗ trợ 54.000.000đ, số tiền này đang gửi tại kho bạc nhà nước huyện Ý1); diện tích 104m^2 đất, tại thửa đất số 507, tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính xã Y lập năm 2002 chỉnh lý năm 2005 và công trình xây dựng trên đất có trị giá là 844.679.000đ. Tổng trị giá tài sản của cụ L1 và bà C là 898.679.000đ; bà C được chia 2/3 tài sản trị giá là

599.119.000đ; cụ L1 được chia 1/3 tài sản trị giá là 299.559.667đ; mỗi suất thừa kế của cụ L1 được hưởng trị giá là 29.956.000đ.

7. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Vũ Thị Thanh H, chị Vũ Thị Thanh V, anh Vũ Xuân N, chị Vũ Thị Bích N1, anh Nguyễn Thành T6, chị Nguyễn Thị Thu T4, bà Đỗ Thị L, chị Nguyễn Thị Thanh H1, bà Nguyễn Thị T2, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Lê Xuân T5, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H3 giao toàn bộ phần di sản thừa kế được chia cho ông Nguyễn Viết T sử dụng vào việc thờ cúng tổ tiên.

8. Chia cho bà Chu Thị Kim C được quyền sử dụng diện tích 104m^2 đất ở; tại thửa đất số 507, tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính xã Y lập năm 2002 chỉnh lý năm 2005; địa chỉ: Xóm A, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được quyền sở hữu các công trình xây dựng trên đất có trị giá là 844.679.000đ; thửa đất được thể hiện trên sơ đồ có các cạnh cạnh 1-2-3-4-1 (có sơ đồ chi tiết kèm theo). Bà Chu Thị Kim C có nghĩa vụ trả chênh lệch tài sản cho anh Chu Hồng Đ 29.956.000đ. Anh Chu Hồng Đ được nhận từ bà Chu Thị Kim C 01 suất thừa kế có trị giá là 29.956.000đ.

9. Chia cho ông Nguyễn Viết T được quyền sử dụng 655m^2 đất trong đó 155m^2 đất ở, 139m^2 đất vườn, 361m^2 đất ao; tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 26, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991; địa chỉ: Thôn N huyện Ý tỉnh Nam Định; thửa đất được thể hiện trên sơ đồ có các cạnh 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-1 (có sơ đồ chi tiết kèm theo) có trị giá là 182.700.000đ; quyền sở hữu ngôi nhà 03 gian, mái tôn, sân, cổng 01 cây vải và toàn bộ tài sản gắn liền trên thửa đất số 153, tờ bản đồ số 26 có trị giá 29.908.000đ và ông T được nhận số tiền 54.000.000đ là tiền bồi thường, hỗ trợ thu hồi 270m^2 đất nông nghiệp (số tiền này đang gửi tại kho bạc nhà nước huyện Ý1).

10. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

11. Các đương sự có nghĩa vụ đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh biến động và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

12. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Chu Thị Kim C, ông Nguyễn Viết T, bà Trần Thị M1 được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Chu Hồng Đ phải nộp 1.497.800đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Chu Thị Kim C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

13. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Chu Thị Kim C tự nguyện nộp toàn bộ, bà C đã nộp đủ.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm